

Bản án số: **588/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 22/5/2024

V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hồng Liên

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lê Thị Tý
- Ông Vương Tấn Độ

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: bà Lê Thị Kim Cương – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: bà Hồ Thị Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1357/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2023 về “Tranh chấp ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 86/2024/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Phạm T T K, sinh năm 20zz ; Nơi ĐKHKTT: ấp A, xã N, huyện B, tỉnh L (bà Phạm T T K có đơn xin vắng mặt).

2. *Bị đơn:* ông Nguyễn M H, sinh năm 19zz; Nơi ĐKHKTT: tt đường N1, khu phố X, phường T, quận B1, Thành phố H (vắng mặt không rõ lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của bà Phạm T T K cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Bà Phạm T T K và ông Nguyễn M H tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày xx/yy/20zz tại Ủy ban nhân dân phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 50.

Sau khi kết hôn hai bên chung sống cùng nhau đã phát sinh nhiều mâu thuẫn nên bà Phạm T T K đã đưa con về nhà cha mẹ ruột sống ly thân ông Nguyễn M H.

Nay bà Phạm T T K nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài nên làm đơn khởi kiện với yêu cầu cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: bà Phạm T T K yêu cầu được ly hôn ông Nguyễn M H.

- *Về con chung*: bà Phạm T T K và ông Nguyễn M H có 01 (một) con chung tên Nguyễn T K Y, sinh ngày xx/yy/20zz. Bà Phạm T T K yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Y.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: bà Phạm T T K không yêu cầu ông Nguyễn M H cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: bà Phạm T T K tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trước khi mở phiên tòa, nguyên đơn là bà Phạm T T K có đơn xin vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu, ý kiến như tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các buổi làm việc tại Tòa án.

Bị đơn là ông Nguyễn M H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu ý kiến và kết luận:

- *Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử*: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự, như: Thụ lý và giải quyết vụ kiện đúng thẩm quyền; Xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng; Tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; Thông báo và tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự đúng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Giao quyết định đưa vụ án ra xét xử, hồ sơ cho Viện Kiểm sát đúng thời hạn quy định.

- *Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa*: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án; Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án*: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do từ khi thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm.

- *Về nội dung*: Nhận thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm T T K và ông Nguyễn M H là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống cùng nhau hai bên đã phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến sống ly thân chứng tỏ mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy căn cứ các Điều 51, Điều 56 Luật

hôn nhân và gia đình năm 2014, việc bà Phạm T T K yêu cầu được ly hôn là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung: bà Phạm T T K và ông Nguyễn M H có 01 (một) con chung tên Nguyễn T K Y, sinh ngày xx/yy/20zz; bà Phạm T T K có yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu ông Nguyễn M H cấp dưỡng nuôi con; ông Nguyễn M H không có ý kiến nên yêu cầu của bà Phạm T T K là có cơ sở chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: do bà Phạm T T K không yêu cầu nên không xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phạm T T K tự khai không có, ông Nguyễn M H không có ý kiến nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật:* Xét đơn xin ly hôn của bà Phạm T T K, cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, có cơ sở xác định đây là vụ kiện hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn”; bị đơn là ông Nguyễn M H có nơi cư trú tại số tt đường N, khu phố Y, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* bà Phạm T T K có đơn xin vắng mặt; ông Nguyễn M H mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Phạm T T K, ông Nguyễn M H.

[3] *Về nội dung:*

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Xét đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày của bà Phạm T T K, thấy rằng quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm T T K, ông Nguyễn M H đã có mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến hai bên sống ly thân. Ngoài ra, từ khi thụ lý đơn xin ly hôn của bà Phạm T T K cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã nhiều lần triệu tập để ông Nguyễn M H thực hiện các quyền, nghĩa vụ của bị đơn cũng như đã mở phiên hòa giải để tạo cơ hội cho bà Phạm T T K, ông Nguyễn M H giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm nhưng ông Nguyễn M H vắng mặt, điều đó thể hiện ông Nguyễn M H không có thiện chí hòa giải, hàn gắn quan hệ hôn nhân. Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp thuận yêu cầu ly hôn của đương sự.

[3.2] *Về con chung:* bà Phạm T T K và ông Nguyễn M H có 01 (một) con chung tên Nguyễn T K Y, sinh ngày xx/yy/20zz. Bà Phạm T T K có yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu ông Nguyễn M H cấp dưỡng nuôi con.

Xét, từ khi bà Phạm T T K và ông Nguyễn M H sống ly thân cho đến nay, trẻ Nguyễn T K Y được bà Phạm T T K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; ông Nguyễn M H mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do, không thể hiện ý kiến và trách nhiệm nuôi dưỡng con chung nên yêu cầu giao trẻ

Nguyễn T K Y cho bà Phạm T T K tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] *Về cấp dưỡng nuôi con*: do bà Phạm T T K không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[3.4] *Về tài sản chung, nợ chung*: bà Phạm T T K tự khai không có, ông Nguyễn M H không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] *Về án phí*: bà Phạm T T K chịu 300,000 (ba trăm nghìn) đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và quy định pháp luật nên thống nhất.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 119 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà Phạm T T K đối với ông Nguyễn M H.

- *Về quan hệ hôn nhân*: bà Phạm T T K được ly hôn với ông Nguyễn M H (Giấy chứng nhận kết hôn số 50, đăng ký ngày xx/yy/20zz tại Ủy ban nhân dân phường T, quận B, Thành phố H cấp cho bà Phạm T T K và ông Nguyễn M H không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật).

- *Về con chung*: giao trẻ Nguyễn T K Y, sinh ngày xx/yy/20zz cho bà Phạm T T K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: bà Phạm T T K không yêu cầu, ông Nguyễn M H không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xét.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, cha mẹ đều có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con. Trong trường hợp do yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: bà Phạm T T K tự khai không có, ông Nguyễn M H không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xét.

2. Về án phí: bà Phạm T T K chịu 300,000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0027041, ngày 6/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Phạm T T K đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền và thời hạn kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện Kiểm sát cùng cấp và cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Q. Bình Tân;
- TAND TP.HCM;
- Chi cục THADS quận Bình Tân;
- Các đương sự;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu văn thư, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Liên